TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh ngày 07/8/1962. Cư trú: Thôn Ngọc T, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Ngọc T, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là Nguyễn Đức L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H có kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1981, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Gia đình 2 bên có tổ chức lễ cưới cho vợ chồng theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn bà H có về gia đình ông ở. Vợ chồng sống chung cùng nhau từ đó đến năm 1993 thì bà H bỏ nhà đi. Bà H đi đâu và làm gì thì ông không xác định được. Gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng cũng không thấy. Ông cũng đã nhiều lần đi tìm kiếm thông tin, địa chỉ nơi ở của bà H và cũng đã nhắn tin tìm kiếm bà H trên các phương tiện thông tin đại chúng là Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công L nhưng

đến nay cũng không biết bà H đang làm gì và ở đâu. Ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị H mất tích. Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã ban hành quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 21/3/2022 tuyên bố bà Nguyễn Thị H mất tích. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H, yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị H có 3 con chung là Nguyễn Đức L1, sinh năm 1985; Nguyễn Thị L2, sinh năm 1986; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; Hiện nay các con chung đều đã lớn, trưởng thành và có gia đình riêng. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Vì ông là người cao tuổi nên đề nghị Tòa án miễn tiền án phí dân sự cho ông. Do điều kiện công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị H bị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 21/3/2022.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ tình cảm: Ông Nguyễn Đức L được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí DSST nhưng được miễn vì là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức L đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Đức L yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H. Bà H có cư trú cuối cùng ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ L giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1981. Có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã (phường) nơi cư trú theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình: "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ L giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H thì Tòa án huyện Hiệp Hòa thụ L giải quyết theo thủ tục chung.

Theo lời trình bày của ông L và các tài liệu trong hồ sơ xác định được trong quá trình vợ chồng chung sống thì bà H đã bỏ nhà đi từ năm 1993. Bà H đã bị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tuyên bố mất tích tại Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 21/3/2022. Nay ông L yêu cầu ly hôn bà H là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Đức L1, sinh năm 1985; Nguyễn Thị L2, sinh năm 1986; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Đức L được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2, Về án phí: Ông Nguyễn Đức L được miễn án phí DSST.

Hoàn trả ông Nguyễn Đức L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng the biên lai thu số 0008150 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc giang.

3, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- L2 hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyền